TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 - 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thiết
Ông Hoàng Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang* tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05/11/2021 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hậu, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Vũ Thế X, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Thôn 31, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn chị Bùi Thị Hcó đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Vũ Thế X vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị Htrình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Thế X kết hôn với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 31/12/2014 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh Hùng tại thôn 31, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang một thời gian. Đến tháng 3/2016, chị chuyển về sống và sinh con tại nhà bố mẹ đẻ tại tổ dân phố P, thị trấn T, huyện H,

tỉnh Tuyên Quang. Đến tháng 9/2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính chất công việc nên vợ chồng không thường xuyên ở gần nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Vũ Thế X đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành, xây dựng hạnh phúc gia đình, phát triển kinh tế chung. Chị yêu cầuTòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Thế X để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Vũ Thế X có 01 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 13/3/2016. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu K vẫn sống cùng chị và ông bà ngoại nên khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Minh K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Vũ Thế X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Vũ Thế X không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thủy.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và người thân thích của bị đơn anh Vũ Thế X, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hvà anh Vũ Thế X kết hôn với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng chị H, anh X về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh X tại thôn 31, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính chất công việc nên hai vợ chồng không ở gần nhau, dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Sau đó chị H sinh con và chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại tổ dân phố P, thị trấn T, huyện H và sống ly thân với anh X từ khi sinh con cho đến nay. Do đó tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh X không còn tồn tại trên thực tế, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chính quyền địa phương và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh X theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sau đó chuyển lại cho người thân trong gia đình, gia đình cũng đã thông báo lại cho anh X biết về việc chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh X và Tòa án triệu tập anh X đến làm việc, tuy nhiên anh X báo lại là đang đi làm ăn xa không về, nhưng không thông báo cho gia đình và địa phương biết anh X đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể như thế nào.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh X có 01 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 13/3/2016. Hiện tại cháu K đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại tại tổ dân phố P, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Vợ chồng chị Bùi Thị H, anh Vũ Thế X không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Hiện nay chị Bùi Thị H cùng con đang sinh sống tại tổ dân phố P, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang còn anh Vũ Thế X đang có hộ khẩu và sống cùng gia đình bố mẹ đẻ là bà Cao Thị Y và ông Vũ Tiến D tại thôn 31, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Bùi Thị H thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Thế X chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Vũ Thế X.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 13/3/2016 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vũ Thế X không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua lời khai của nguyên đơn và qua xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị H, anh X không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vũ Thế X, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Thế X có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 31, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn anh Vũ Thế X có hộ khẩu thường trú tại thôn 31, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Bùi Thị H đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Vũ Thế X. Anh X đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng vẫn về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và địa phương không rõ anh X hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh X đã biết được việc chị H khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh X không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh X đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che dấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị H thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Vũ Thế X chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Vũ Thế X kết hôn với nhau từ năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 31/12/2014. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Hùng tại thôn 31, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Do tính chất công việc nên vợ chồng không thường xuyên ở gần nhau dẫn đến nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Sau khi sinh con chị H chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại tổ dân phố P, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Còn anh X bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà bố mẹ đẻ tại xã S. Vợ chồng đã sống ly thân nhau kể từ khi chị H chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại tổ dân phố P, thị trấn T, huyện H. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi

han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh X đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Vũ Thế X là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị Bùi Thị H và anh Vũ Thế X có 01 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 13/3/2016. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu K vẫn sống cùng chị H. Quá trình giải quyết vụ án chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Minh K và không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Ngoài ra, hiện tại anh X cũng đang đi làm ăn xa, không có địa chỉ liên lạc cụ thể. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, HĐXX thấy rằng cần giao con chung là cháu Vũ Minh K cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vũ Thế X không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Bùi Thị H và anh Vũ Thế X không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Hphải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị đơn anh Vũ Thế X không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Vũ Thế X.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Minh K, sinh ngày 13/3/2016 cho chị Bùi Thị H tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vũ Thế X không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm

nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai số 0004569, ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn anh Vũ Thế X không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị H và bị đơn anh Vũ Thế X được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã S (Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2014, ngày 31/12/2014);
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San